

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sinh Thành

Ông Nguyễn Văn Sáu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bách - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/4/2020, tại phòng xét xử án hình sự TAND tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2020/QĐXXST-HS ngày 13/4/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/7/1982 tại Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: X4N, huyện N, Nghệ An; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Giám đốc công ty; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955 - hiện sống ở tại X4, huyện N, Nghệ An; anh, chị em ruột: có 06 người, T là con thứ hai trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị T2 (đã ly hôn); con: Có 02 người (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- Người bào chữa cho Nguyễn Đình T:

1. Ông Ngô Đức T3 – Văn phòng Luật sư TĐ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Tạ Văn Đ – Luật sư, Công ty Luật TNHH TS, Đoàn LS Tp Hà nội. Có mặt.

3. Ông Trần Đức N1 – Luật sư, Công ty Luật TNHH TS, Đoàn LS Tp Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1953 - Địa chỉ: Thôn HD, xã B2, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

2. Anh Lê Thanh Đ1, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Thôn NH, xã H1, huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

3. Anh Cao Đình M, sinh năm 1989 – Địa chỉ: Số nhà 76 đường T, khối Q, phường HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1981 – Địa chỉ: X1, xã ĐS, huyện Đ2, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
5. Ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1972 – Địa chỉ: Thôn 9, xã X1, huyện N1, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.
6. Ông Phan Văn D, sinh năm 1986 – Địa chỉ: xã T5, huyện T6, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt
7. Ông Phan Hữu T7, sinh năm 1972 – Địa chỉ: X7, xã XM, huyện X3, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;
8. Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1961 – Địa chỉ: K 2, phường NT, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;
9. Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1966 – Địa chỉ: Tổ dân phố M3, phường Q1, thị xã B3, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
10. Anh Ngô Xuân L, sinh năm 1974- Địa chỉ: Thôn N2, xã NT, huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
- 11 Anh Lê Văn L3, sinh năm 1994- Địa chỉ: Thôn N2, xã NT, Huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/9/2017 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến một số công dân lao động bất hợp pháp tại nước Nhật Bản bị trục xuất về nước do Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình chuyển đến.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9 năm 2016, vì có nhu cầu sang nước ngoài lao động nên 09 đối tượng ở tỉnh Quảng Bình, gồm: Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1989; Nguyễn Hồng T5, sinh năm 1994 (cùng trú tại thôn M, Q, tx B); Phan Thị D1, sinh năm 1996 ở thôn 5Đ, huyện B1; Nguyễn Văn H4, sinh năm 1996 ở Đ, huyện B; Lê Xuân H6, sinh năm 1974 ở Q, tp H; Lê Văn L3, sinh năm 1994 ở NT, B1; Ngô Xuân L2, sinh năm 1974 ở NT, B1; Ngô Bình A, sinh năm 1978 ở B1, tp H; Hoàng Thanh H9, sinh năm 1988 ở Đ4, tp H đã tìm đến Nguyễn Văn M2, sinh năm 1966 ở M1, Q, tx B1; Lê Thanh Đ1, sinh năm 1984 ở NH, H1, B1 và Lê Văn H, sinh năm 1953 ở HD, B, tp H để nhờ giới thiệu, giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục đi nước ngoài. Qua bàn bạc, trao đổi 09 người trên đã đồng ý làm thủ tục để được đi Nhật Bản với giá từ 9.000 – 14.000 USD/ 01 người để được bố trí nơi ăn, nghỉ và làm việc ở Công ty tại Nhật Bản với mức lương là 2.000 USD/tháng.

Sau khi thống nhất Nguyễn Văn M2 đã đưa Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Hồng T5 đến gặp Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1961 ở NT,tx C, Nghệ An, qua trao đổi L1 đồng ý làm thủ tục đi Nhật Bản cho Nguyễn Thanh T4 và Nguyễn Hồng T5 với giá 200.000.000 đồng/người. Sau đó T4 và T5 đã đặt cọc mỗi người 10 triệu đồng cho L1 thông qua Nguyễn Văn M2. Sau đó L1 chuyển cho Nguyễn Đình T.

Lê Văn H sau khi được Nguyễn Đình T là Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA tư vấn, giới thiệu về đường dây trốn đi Nhật Bản bằng đường du lịch rồi trốn ở lại Nhật Bản sẽ được bố trí công ăn việc làm, nơi ăn chốn ở... Hải đã thu tiền

cọc mỗi người 1.000 USD cùng hồ sơ của 05 người gồm Lê Xuân H6, Lê Văn L3, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A, Hoàng Thanh H6 rồi trực tiếp đến tại Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA do Nguyễn Đình T làm giám đốc nộp hồ sơ để T làm thủ tục cho 05 người này đi Nhật Bản với chi phí 9.500 USD đến 10.000 USD mỗi người.

Lê Thanh Đ1 đã thống nhất với Phan Thị D1 và Nguyễn Văn H4 là sẽ giúp làm thủ tục cho D1 và H4 đi Nhật Bản với giá 14.000 USD. Sau đó Đ1 đã chuyển hồ sơ của D1 và H4 cho Lăng Minh T10.

Ngoài 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình nêu trên, trong đoàn xuất cảnh qua Nhật Bản bằng hình thức du lịch vào ngày 14/11/2016 còn có thêm 11 người khác ở các tỉnh Nghệ An (08 người), tỉnh Hà Tĩnh (02 người), thành phố Hồ Chí Minh (01 người). Trong đó bị can T đã trực tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 05 người, cụ thể gồm Cao Đình M, Nguyễn Thị T4, Trần Văn Đ2, Phan Văn D và Phan Hữu T7.

Đối với Nguyễn Đình T và Lăng Minh T10: Sau khi nhận được tiền cọc và hồ sơ của những người trên do L1, Đ1 và Hải chuyển đến, Nguyễn Đình T, Lăng Minh T10 và những đối tượng khác trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả hợp đồng lao động cho các công dân này thành nhân viên của một số công ty ở Sài Gòn, lập giấy xác nhận cho những người này được nghỉ phép để đi du lịch rồi nộp hồ sơ thông qua Công ty TNHH Thương mại du lịch kỳ nghỉ QT có trụ sở tại 624 NT, P8, QX, thành phố Hồ Chí Minh để xin visa cho những người này đi du lịch tại Nhật Bản trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 18/11/2016 với chi phí là 36.200.000 đồng/01 người.

Sau khi có được visa T và T10 đã thông báo cho L1, Đ1, H, M2 để những người này thông báo, dẫn 20 người trên vào thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xuất cảnh đi Nhật Bản. Đến ngày 14/11/2016 tại thành phố Hồ Chí Minh 20 người này đã được tập hợp tại Khách sạn Ed ở đường P, P10, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây 20 người này đã được Nguyễn Đình T dẫn dắt, hướng dẫn cụ thể các thức đi Nhật Bản và cách thức đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi và đưa cho mỗi người 01 biên bản thỏa thuận được ký giữa công ty của T và những người này. Đến tối cùng ngày những người này được Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ quốc tế làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản.

Sau khi đến Nhật Bản vì không có việc làm ổn định nên một số người đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt Nam sau đó làm đơn tố cáo Nguyễn Đình T.

*Kết quả điều tra tại thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ QT (H Travel) xác nhận người đại diện ký hợp đồng với công ty là ông Trần Văn Đ2. Ông Nguyễn Đình T là người đã lên công ty đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm cho đoàn khởi hành đúng ngày.

- Công ty TNHH TM và Dịch vụ P2 xác định Công ty không có nhân viên nào có tên Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H5, Phan Thị D1, Lê Văn L3. Năm 2016 công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH MTV hóa chất Q2 xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Nguyễn Thanh T4. Công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH TM S Food xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Hoàng Thanh H6, Ngô Bình A. Trong năm 2016 không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

Đã tiến hành thu thập mẫu dấu và chữ ký của những người làm giám đốc của các công ty trên và tiến hành trưng cầu giám định mẫu dấu và chữ ký của giám đốc tại các công ty này với mẫu dấu và chữ ký có trên các hợp đồng lao động (gồm có 07 hợp đồng), kết quả: Tại Kết luận giám định số 417 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu dấu và chữ ký của ông Trương Quốc H10 do Cơ quan ANĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh thu thập với mẫu dấu và chữ ký trên các Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM và Dịch vụ P Gia Lạc với Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H5, Phan Thị D1, Lê Văn L3, dấu không phải của công ty P Gia Lạc và chữ ký không phải do Trương Quốc H10 ký; Mẫu dấu và chữ ký của bà Lê Thị Thanh L10 giám đốc Công ty TNHH TM S Food với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH TM S Food với Hoàng Thanh H10, Ngô Bình A, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do bà L10 ký; Mẫu dấu và chữ ký của ông Phạm Văn K giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Q2 với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH MTV hóa chất Q2 với Nguyễn Thanh T4, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do ông K ký. (BL: 58-59)

Tại Bản kết luận giám định số 1056 ngày 17/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T - chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179 P5, phường TT, Tp V, Nghệ An và Bên B người đại diện Ngô Xuân L2, địa chỉ xã NT, B1, Quảng Bình kết luận: Hình dấu tròn trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu tròn của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. Các chữ số 21, 09, 2016 tại dòng ngày, tháng, năm của mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với chữ viết của Nguyễn Đình T là do cùng một người viết ra. (BL: 140-141).

Tại Bản kết luận giám định số 225 ngày 05/3/2019 và số 255 ngày 22/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179P, phường TT, TpV, Nghệ An và Bên B người đại diện Trần Văn Đ2, địa chỉ XT, X3, tỉnh Hà Tĩnh và Biên bản thỏa thuận giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179P, phường TT, Tp V, Nghệ An và Bên B người đại diện Cao Đình M, địa chỉ: HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An, kết luận: Hình dấu tròn trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. (BL: 1042-1043; 1047-1048)

Quá trình điều tra Nguyễn Đình T quanh co chối tội, đổ tội cho người có tên là Trương Hoàng G (Giám đốc công ty TNHH dịch vụ du lịch Hoàng GK, G đã chết). Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Đình T đã trực tiếp giao nộp 02 bản phô tô công chứng, gồm “Bản cam kết” và “Biên bản giao - nhận tiền” giữa Nguyễn Đình T và Trương Hoàng G có chữ ký đứng tên Trương Hoàng G. T khai nhận Bản cam kết là do Trương Hoàng G làm, T và G thống nhất nội dung như trong bản cam kết rồi T và G trực tiếp ký vào và T trực tiếp đóng dấu của Công ty T; Đối với Biên bản giao - nhận tiền thì T trực tiếp lập, ký

tên, đóng dấu của Công ty T rồi G trực tiếp ký trước mặt T. Vì vậy Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ yêu cầu giám định chữ ký của Trương Hoàng G. Tại bản kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký đứng tên Trương Hoàng G dưới mục “Bên A” trên 02 tài liệu cần giám định do Nguyễn Đình T giao nộp không phải do Trương Hoàng G ký ra (02 tài liệu là giả). (BL: 1375-1376, 1393, 1415-1449, 1450-1458)

* *Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, vật chứng*: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1. 09 (chín) cuốn hộ chiếu mang tên Nguyễn Hồng T5, Nguyễn Văn H4, Phan Thị D1, Ngô Xuân L2, Lê Xuân H5, Nguyễn Thanh T4, Hoàng Thanh H6, Ngô Bình A và Lê Văn L3. (Số vật chứng này được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án).

2. 09 (chín) bộ bản chính hồ sơ xin thị thực của Nguyễn Hồng T5, Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H5, Phan Thị D1, Lê Văn L3, Ngô Bình A, Ngô Xuân L2, Hoàng Thanh H10 và Nguyễn Thanh Th4;(BL: 64-138, 498-512, 517-530).

3. 03 (ba) bản chính Biên bản thỏa thuận giữa Nguyễn Đình T và Ngô Xuân L2, giữa Nguyễn Đình T và Cao Đình M, giữa Nguyễn Đình T và Trần Văn Đ2;(BL: 144, 178, 187, 189, 194, 197).

4. 01 (một) bản sao Biên bản thỏa thuận giữa Nguyễn Đình T và Ngô Xuân L2 (BL: 177, 180);

5. 01 (một) bản sao Giấy biên nhận tiền đặt cọc lập ngày 14/9/2016 giữa bên nhận tiền là Lê Văn H và bên đưa tiền là Phạm Xuân Q; (BL: 177, 179).

6. 01 (một) bản gốc giấy nhận tiền giữa Lê Văn H và Nguyễn Thị Mỹ H7; (BL: 184-186)

7. 04 (bốn) bản gốc Phiếu thu, trên góc trái có chữ Đơn vị CTy TNHH HA, địa chỉ 179P, lập vào các ngày 14/11/2016, 15/9/2016, 02/6/2016, 14/11/2016 (BL: 187-188, 194-196, 198-199).

8. 02 (hai) bản sao Phiếu thu, trên góc trái có chữ Đơn vị CTy TNHH HA, địa chỉ 179P, lập vào các ngày 02/6/2016, 15/9/2016 (BL: 190-192).

9. 02 (hai) tài liệu do Nguyễn Đình T giao nộp có ghi tiêu đề “bản cam kết” và “Biên bản giao - nhận tiền” (BL: 1448-1449).

Số tài liệu này được đưa lưu vào trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 09/VKS- P1 ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Đình T về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Đình T đã khai nhận T đã tổ chức cho Cao Đình M, Nguyễn Thị T4, Trần Văn Đ2, Phan Văn D đi nước ngoài. Nguyễn Đình T không thừa nhận đã đưa 16 người còn lại trong đoàn đi Nhật Bản vào ngày 14/11/2016.

- Tại phiên toà hôm nay, Luật sư Ngô Đức T - Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T phát biểu lời bào chữa: Bản cáo trạng của VKSND tỉnh Quảng Bình đã không đánh giá đúng bản chất sự việc. Nhiều vấn đề trong nội dung quyết định trả hồ sơ vụ án chưa được làm rõ, nhiều vấn đề chưa chứng minh được, chưa chứng minh được vai trò của Nguyễn Đình T.

- Luật sư Trần Văn Đ - Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T phát biểu lời bào chữa: Cáo trạng truy tố Nguyễn Đình T về tội “tổ chức người khác trốn đi nước

ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 275 BLHS năm 1999 là không đúng, thiếu căn cứ, cụ thể:

Cơ quan Điều tra luôn cho rằng T và các đối tượng khác tổ chức cho 20 người đi nước ngoài bằng hình thức đi du lịch tại Nhật Bản, quy kết cho T là người nhận tiền và làm hồ sơ cho những người này nhưng không hề có một chứng cứ nào để chứng minh. Tại phiên tòa có nhiều lời khai cho biết không hề quen biết T, T cũng không hề liên quan đến việc nhận tiền, làm hồ sơ, thủ tục cho 20 người đi Nhật. Hồ sơ đi du lịch sang Nhật Bản rất chặt chẽ, cần rất nhiều loại giấy tờ....những giấy tờ này ai là người làm những giấy tờ này. Mặt khác cơ quan Điều tra cũng chưa làm rõ được vai trò của T trong vụ án; Tại bản khai của bà D1 (BL: 1413) đều khẳng định Lê Thanh Đ1 là người tư vấn, nhận hồ sơ, thu tiền và hướng dẫn cho bà D1, Đ1 là người tư ứng tiền, thuyết phục bà D1 đi sang Nhật... trong khi Đ1 không hề có sự thân thích nào với bà D1, điều đó khẳng định Đ1 là người nằm trong đường dây. Đạt khai thông qua Lăng Minh T10 và Đăng là người cầm theo hồ sơ, biên bản thoả thuận... Cơ quan điều tra chưa làm rõ Lê Thanh Đ1, Lăng Minh T10, Trần Vũ Như U (vợ của Lăng Minh T10) và Đ10 là những người có liên quan đến đơn tố cáo của D hay không? T luôn khẳng định chưa bao giờ làm hồ sơ để xuất cảnh cho 20 người đi Nhật Bản, các văn bản thoả thuận là do G nhờ T ký, phần tên người đi không phải do T ghi, nhiều biên bản thoả thuận thu được là bản photocopy. Quyết định trả hồ sơ ngày 23/12/2019 yêu cầu cơ quan Điều tra làm rõ 5 vấn đề nhưng chỉ xác minh được 02 vấn đề; Kết luận giám định không gửi cho bị cáo là vi phạm Điều 214 BLTTHS; vì sao cơ quan Điều tra không làm rõ các hợp đồng... ai là người làm giả hồ sơ? Luật sư Đ cũng khẳng định hoàn toàn không có căn cứ để quy kết T phạm tội “tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T không phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T đã phạm vào tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, quy định tại khoản 1 Điều 275 BLHS năm 1999. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T cần phải được xử phạt nghiêm khắc, đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, với mức hình phạt từ 4 - 5 năm tù.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Sau khi nhận được kết luận điều tra Nguyễn Đình T có ý kiến không đồng ý với Kết luận điều tra. Bị cáo T cũng có văn bản khiếu nại kết quả giám định nhưng Bộ luật TTHS không quy định Kết luận giám định là đối tượng của khiếu nại trong tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Nguyễn Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình T tiếp tục không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Đình T chỉ khai nhận do trước đó Công ty TNHH Nhân lực Quốc Tế HA do Nguyễn Đình T làm Giám đốc có nhận hồ sơ của Cao Đình M, Nguyễn Thị T4, Trần Văn Đ2, Phan Văn D để làm thủ tục đi Mỹ nhưng do chưa làm được nên T đã chuyển hồ sơ của những người này cho Trương Hoàng G ở Sài Gòn để làm thủ tục cho họ đi Nhật Bản và G còn nhờ T nhận hộ tiền của một số người nhưng của ai T không nhớ. T không thừa nhận tiền, tư vấn, hướng dẫn cách đối phó với cơ quan chức năng, tổ chức, tư vấn cho ông Lê Xuân H5, ông Lê Văn L3, ông Ngô Xuân L2, ông Ngô Bình A, ông Hoàng Thanh 10, chị Phan Thị D1, ông Nguyễn Văn H4, anh Phan Hữu T7 cũng như 20 lao động trong đoàn đi Nhật Bản ngày 14/11/2016.

Tuy nhiên, theo chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được thể hiện:

Tại phiên tòa ngày 20/12/2019, Luật sư bào chữa cho bị cáo T xuất trình các bản ghi lại lời khai của những người liên quan gồm Lê Văn L3, Lê Văn H, Trần Ngọc Đ2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn M2, Đậu Thị T8, Phan Văn D, những người liên quan này có mặt tại phiên tòa. Khi được hỏi cơ quan điều tra có bức cung, mớm cung không thì họ đều khẳng định là không có việc bức cung, mớm cung vì vậy không cần thiết phải triệu tập Điều tra viên như đề nghị của Luật sư. Một số người có sự thay đổi lời khai về vai trò của T trong việc hướng dẫn, căn dặn người lao động khi qua sân bay nhưng L3, Đ1 vẫn khẳng định lời khai của họ tại cơ quan điều tra vẫn đúng, việc tự mình ghi trên các Biên bản nhận dạng vẫn đúng. Cũng tại phiên tòa ngày 20/12/2019, bị cáo T xuất trình 01 Bản cam kết của Trương Hoàng G với Nguyễn Đình T và 01 Biên nhận tiền ghi G nhận tiền do T chuyển của 5 người gồm Cao Đình M, Trần Văn Đ2, Phan Văn D, Nguyễn Thị T4 và Phan Hữu T7, cả hai loại văn bản này đều có chữ ký của T và con dấu Công ty HA nhưng chỉ có chữ ký của G mà không có con dấu của Công ty của G, T khai là không nhớ nên trước đây không nộp cho cơ quan điều tra. Tuy nhiên khi được hỏi T khẳng định: Ngày 14/11/2016 (là ngày những người lao động bay sang Nhật Bản) T có mặt tại thành phố Hồ Chí Minh, G cũng có mặt tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng Biên nhận tiền lại vẫn ghi “Nghệ An, ngày 14 tháng 11 năm 2016” vì T cho nhân viên đánh máy sẵn. Những giải thích của bị cáo T về việc bỏ sót tiết kiệm của T bảo lãnh cho cả đoàn (20 người) đi, việc T nói với Đ2 ký đại diện cả đoàn để làm thủ tục cho nhanh (trong khi T khai không hề có vai trò gì trong việc đưa người đi nước ngoài) và cả vấn đề Biên nhận tiền ghi tại Nghệ An đúng ngày T và G đều có mặt ở thành phố Hồ Chí Minh đều không thực tế, trong khi tại thời điểm giao nộp 2 tài liệu này T biết rõ trước đó G đã chết. Và thực tế, tại kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09/01/2020 của Phong Kỹ thuật hình sự Công an Quảng Bình đã kết luận: Chữ ký đứng tên Trương Hoàng G dưới mục “Bên A” trên 2 tài liệu cần giám định do Nguyễn Đình T giao nộp không phải do Trương Hoàng G ký ra.

Qua các bản khai ngày 18, 19/10/2018 của ông Lê Văn H thì ông H với Nguyễn Đình T có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 7/2016, Nguyễn Đình T nói với ông có đường dây đi lao động tại Nhật Bản theo hình thức du lịch (tức là sau khi sang Nhật sẽ xin tị nạn ở lại để lao động) và bảo ông vào Quảng Bình tìm người, giá trọn gói 9.000USD hồ sơ bao gồm hộ chiếu 4 ảnh x 6cm, hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy kết hôn (bản phổ thông) rồi chuyển ra cho T. Sau đó ông tìm được 5 người là Lê Xuân H5, Lê Văn L3, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A và Hoàng Thanh H10 có nhu cầu đi lao động tại Nhật Bản, khi đó ông nói với họ là Công ty của T sẽ chịu trách nhiệm đưa đi, nếu đi mỗi người đặt tiền cọc cho ông 1.000USD để ông chuyển cho T làm giấy tờ. Khoảng 1 tuần sau khi 5 người đó nộp tiền cọc và hồ sơ cho ông thì ông H trực tiếp đến nộp tiền và hồ sơ cho T tại Công ty HA. Khi nộp tiền có nhân viên của T là P5 (kế toán) thu tiền và xuất biên lai (tuy nhiên biên lai này ông H đã làm mất). Sau khi nhận tiền và hồ sơ của 5 người trên đến trước khi bay khoảng 1 tuần T gọi điện thoại cho ông H thông báo đã có visa đi Nhật Bản theo hình thức du lịch và chụp ảnh visa 5 người trên gửi qua Zalo để họ tin, T thông báo ngày 14/11/2016 bay sang Nhật Bản. Ngày 13/11/2016 ông H tập trung 5 người trên và gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh, khi đó T gọi điện thoại báo cho ông H hẹn gặp nhau ở quán cà phê gần khách sạn để T phổ biến cách thức đi. Ông H hỏi “tiền bạc thế nào? Ai chịu trách nhiệm?”, thì T nói “Công ty du lịch thu tiền còn tôi là người chịu trách nhiệm hoàn toàn, bao gồm cả visa, công ăn việc làm, chỗ ở”. Ngày 14/11/2016, ông H nộp tiếp tiền cho T cả tiền Việt Nam và đô la Mỹ quy ra giá trị tương đương 20.000 USD. Khi đưa tiền xong T nói “Bác ngồi đó, để tôi đi tư vấn cho các lao động”. Khoảng 15 giờ 30 ngày 14/11/2016 khi ông H lên khách sạn thì thấy tất cả lao động đang sắp xếp lại hành lý, Nguyễn Đình T đang ở đó và có một số nhân viên của công ty du lịch đứng cùng T, trong đó có 5 người mà ông đã môi giới. Khoảng 10 giờ 30’ ngày 15/11/2016 tại một quán cà phê ở thành phố Hồ Chí Minh khi những người lao động đã đi đến Nhật Bản ông H tiếp tục chuyển cho T cả tiền Việt Nam và USD quy đổi ra đủ 19.000USD. Tổng cộng ông H đã đưa cho Nguyễn Đình T 42.000USD trong 03 lần, ông H được hưởng 2.500USD (BL: 883 – 898). Tuy nhiên, tại biên bản đối chất giữa ông H với Nguyễn Đình T và tại phiên tòa thì ông H khai khi ông đưa tiền cọc ra nộp tại Công ty của T thì có người ở Công ty du lịch nhận hồ sơ và tiền cọc... ông H còn nộp thêm một Biên bản thỏa thuận có con dấu của Công ty HA và có chữ ký của Nguyễn Đình T về việc Công ty HA sẽ tạo điều kiện về chỗ ở, công ăn việc làm và mức thu nhập 2000 USD cho những người này khi ở lại lao động tại Nhật Bản trong thời hạn 01 năm kể từ ngày xin được visa nhập cảnh vào Nhật Bản bằng hình thức du lịch. Biên bản này cũng đã được giám định và kết quả giám định xác định chữ ký là của Nguyễn Đình T và con dấu là của Công ty HA.

Các anh Lê Xuân H5, Ngô Bình A là hai trong số 05 người do ông Lê Văn H nhận hồ sơ rồi chuyển cho T tại biên bản nhận dạng đều nhận ra Nguyễn Đình T, xác nhận Nguyễn Đình T là người hướng dẫn họ và 19 lao động đi cùng cách thức đối phó khi qua cửa khẩu sân bay và Nguyễn Đình T còn nói: “Đi sang đến bên Nhật là có xe đưa đón đến trung tâm nơi làm việc”. Tại bản khai ngày 23/5/2018 anh Ngô Bình A được Nguyễn Đình T đưa 1 biên bản thỏa thuận với nội dung bên A người đại diện là Nguyễn Đình T – chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Nhân lực Quốc Tế HA, bên B là ông Ngô Bình A là người đi lao động Nhật Bản với mức lương 2000 USD/tháng. Anh Lê Xuân H5 cũng được ông Lê Văn H đưa cho 1 biên bản thỏa thuận có bên A người đại diện là Nguyễn Đình T – chức vụ: Giám đốc Công ty

TNHH Nhân lực Quốc Tế HA, bên B là ông Ngô Bình A nhưng vợ anh đã làm thất lạc

Anh Lê Thành Đ1 là người nhận 02 hồ sơ của Nguyễn Văn H và Phan Thị D1 để đưa cho Lăng Minh T10 (anh H4 và chị D1 là hai trong số 20 người đã đi Nhật Bản), đã khai: Ngày 10/11/2016, anh Đ1 đưa anh Nguyễn Văn H4 cùng gia đình H vào thành phố Hồ Chí Minh để gặp Đ2 và T10, khi gặp Đ2 đưa cho H và gia đình 01 biên bản thỏa thuận giữa bên A là ông Nguyễn Đình T – Giám đốc. Đ1 xác định nhận dạng T là người gặp lúc làm thủ tục chỉ đạo Đ2 chuẩn bị đưa D1, H4 ra sân bay đi Nhật bản. Vào ngày 14/11/2016 Nguyễn Đình T là người đi xe BMW tới chỉ đạo Đ2, T10 thu xếp nhanh đi qua nơi khác và nói đi du lịch không được đem theo nhiều đồ (BL: bút lục 220 – 222; 920 – 923).

Chị Phan Thị D1 khai xác nhận: Vào thành phố Hồ Chí Minh để chuẩn bị đi Nhật Bản, khoảng 14 giờ ngày 14/11/2016 “ông T bảo trước đi qua Hải quan là phải nói đi du lịch, đừng nói là đi lao động. Ông T có đưa cho tôi (D1) và H4 mỗi người 1 bản Hợp đồng lao động (bản phô tô) và dặn đọc kỹ nội dung trong hợp đồng, khi qua Hải quan có hỏi thì trả lời đi du lịch Nhật Bản 4 ngày 3 đêm, không được trả lời đi lao động và phải trả lời đúng như thông tin trong hợp đồng (lúc này có khoảng 20 người), yêu cầu ký vào biên bản thỏa thuận giữa tôi (D1) với Công ty Nhân lực Quốc tế HA (BL: 924 – 940).

Ông Trần Văn Đ2, ông Cao Đình M, chị Nguyễn Thị T4, anh Phan Văn D là những người mà T thừa nhận đã nhận tiền và hồ sơ của những người này nhưng T không tổ chức cho họ đi Nhật Bản mà chuyển lại cho Trương Hoàng G nhưng những người này đều khai thống nhất xác nhận họ đã trực tiếp nộp tiền, hồ sơ cho T để T tổ chức đi lao động Nhật Bản bằng hình thức du lịch, trong đó T4 đã nộp hồ sơ và 7.500USD, Cao Đình M nộp cho T 6.000USD để T làm thủ tục họ họ. Đồng thời, chị T xác nhận đúng Nguyễn Đình T vào ngày 14/11/2016 đã tập hợp 20 người trong đoàn đi lao động tại Nhật Bản tại một khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh để phổ biến cách thức đi Nhật Bản theo hình thức du lịch, T đã đưa cho họ 1 hợp đồng lao động và dặn chị đọc kỹ nội dung để qua cửa khẩu Hải quan có hỏi thì trả lời là nhân viên công ty theo Hợp đồng mà T đưa, được Công ty cho nghỉ đi du lịch Nhật Bản thời gian 4 ngày 3 đêm, nên mang theo ít hành lý để khỏi bị nghi ngờ, sang đến Nhật Bản sẽ có người đón về Công ty làm việc với mức lương 2000 USD/tháng bao ăn ở. Ông Đ2 khẳng định Nguyễn Đình T là người làm việc với ông chứ ông không biết ai tên là G. Anh Phan Văn D khai Nguyễn Đình T đã nói với anh “hiện tại đường dây xuất cảnh sang Mỹ có vấn đề trục trặc, vì vậy các anh nên đi Nhật Bản vì thủ tục đi Nhật Bản đơn giản hơn và nhanh”.

Anh Phan Hữu T7 khai là người nộp hồ sơ trực tiếp cho Nguyễn Đình T, nhưng T không thừa nhận. Tại bản khai ngày 30/7/2019 anh Phan Hữu T7, khai: Qua tìm hiểu anh T7 biết được Công ty TNHH Nhân lực Quốc Tế HA do T làm Giám đốc có trụ sở tại 179P, TT – V – Nghệ An có làm thủ tục đi nước ngoài nên anh T đã liên hệ và được T đồng ý nên đã nộp tiền cọc cho T 10 triệu đồng để tham gia lớp tiếng Anh. Sau đó do không đi được nên chuyển sang đi Rumani. Sau một thời gian vẫn không đi được, khoảng tháng 9/2016 T gọi điện thoại cho anh T10 lên Văn phòng Công ty của T và bảo anh T10 đi Nhật Bản theo hình thức du lịch, bảo lãnh 1 năm sẽ có công việc làm với mức lương 2000 USD/1 tháng trừ ăn và đã thu phí của anh T10

7000 USD vào ngày 15/9/2016. Sau đó khoảng 1 tuần Nguyễn Đình T gọi cho anh Tài nói anh vào Sài Gòn để đi Nhật Bản vào ngày 14/11/2016. Chiều ngày 14/11/2016 anh T7 cùng 19 người khác cùng ra sân bay Tân Sơn Nhất thì được trưởng đoàn Công ty Holiday dẫn sang Nhật Bản. Khi nộp hồ sơ anh T có gặp vợ chồng anh Trần Văn Đ2 và được tư vấn đi Nhật theo hình thức du lịch bảo lãnh, có công ty của Việt Nam tại Nhật Bản thu xếp, bố trí công việc, mức lương khoảng 2000 USD/tháng trong vòng 1 năm. Anh T7 cũng có lời khai như những người cùng đi khác về việc Nguyễn Đình T đưa cho anh 1 bản cam kết với nội dung như đã tư vấn nhưng anh T7 đã làm mất. Ngoài ra T còn dặn khi qua Nhật Bản không được mang theo hộ chiếu vì hộ chiếu có cây “chip di dân” sẽ bị cảnh sát theo dõi. Anh Phan Hữu T7 còn nộp cho cơ qua Điều tra 03 phiếu thu mang tên người nộp là Phan Hữu T7, trên phiếu đóng con dấu của Công ty TNHH Nhân lực Quốc Tế HA và chữ ký Giám đốc Nguyễn Đình T (phiếu thu ngày 20/5 và phiếu thu ngày ngày 03/6/2019 số tiền 10.000.000đ – lý do nộp: Tiền học đi Rumania, phiếu thu số 03 ngày 15/9/2016, số tiền: 7.000 USD, lý do nộp: Nộp tiền đi Nhật Bản. Chị Phan Thị L8 vợ của anh Phan Hữu T7 cũng nhận dạng đúng Nguyễn Đình T là người đã nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho anh T7, chị cùng với anh T7 trực tiếp đến tại Công ty của T để nộp tiền (BL: 1094 – 1096).

Anh Nguyễn Hồng T7 là một trong số 20 người đi Nhật Bản ngày 14/11/2016 cũng đã có bản khai và biên bản nhận dạng ra Nguyễn Đình T, anh T5 khai: Ông Nguyễn Ngọc L1 ở tx C – Nghệ An là người nhận hồ sơ, tư vấn cho anh đi Nhật Bản. Anh T5 biết được T vào lúc 14 giờ ngày 14/11/2016 gặp được T tại một khách sạn gần sân bay Tân Sơn Nhất, tại đây còn có 19 người khác cùng đi, T đưa cho anh T5 1 Hợp đồng lao động, xác nhận thu nhập, giấy xin nghỉ phép... là bộ hồ sơ hợp thức hoá để đi du lịch của anh và yêu cầu anh đọc để trả lời qua mặt Hải quan. T còn dặn đưa ít hành lý để không bị nghi ngờ.

Ông Nguyễn Văn H9 là bố đẻ của Nguyễn Văn P1 là một trong số 20 người đi trong đoàn xác nhận: Ông đến gặp Nguyễn Đình T để T làm thủ tục cho P1 đi Hàn Quốc lao động nhưng khi gặp thì T có đề nghị đưa P1 đi Nhật Bản nên ông đồng ý, thỏa thuận nộp tiền, hộ chiếu cho T để T tổ chức cho P1 xuất cảnh sang lao động Nhật Bản, sau khi P1 sang đến Nhật Bản ông đã nộp 157.000.000đ cho T vào tài khoản của T (BL: 415 – 418).

Nguyễn Văn M 2 là người đã nhận tiền cọc 10.000.000đ của Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Hồng T5 (cùng trú tại QP – tx B) và chuyển ra cho Nguyễn Ngọc L1 để làm cho T4 và T5 đi Nhật Bản (BL: 970 – 979).

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như ông Lê Văn H, anh Lê Thanh Đ1, anh Nguyễn Văn M2 và lời khai của 09 trong số 20 người đi Nhật Bản vào ngày 14/11/2016 đã về nước gồm ông Trần Văn Đ2, ông Phan Văn D, ông Cao Đình M, chị Nguyễn Thị T4, anh Lê Xuân H6, anh Ngô Bình A, anh Ngô Xuân L2, chị Phan Thị D1, anh Nguyễn Hồng T5 có sự không thống nhất, lời khai lại của những người được Luật sư lấy lời khai mâu thuẫn với nhiều người khác trong khi các lời khai của họ tại cơ quan điều tra phù hợp, những giải thích của bị cáo T về các vấn đề liên quan như đã nêu ở trên thiếu thực tế. Cũng tại phiên toà sơ thẩm ngày 20/12/2019, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T nộp cho Toà án 08 “Biên bản xác minh” đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô

Xuân L2, anh Lê Văn L2, ông Nguyễn Văn M2, ông Lê Văn H, ông Nguyễn Hồng T5, anh Phan Văn D, ông Trần Văn Đ2, bà Đậu Thị Th8 (mẹ của anh Cao Đình M là một trong số 20 người được tổ chức đi nước ngoài). Nội dung các biên bản xác minh đều là các lời khai mới của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những lời khai này có nội dung không thống nhất như những lời khai mà những người này đã khai tại cơ quan Điều tra, tại phiên tòa họ cũng khai như khi làm việc với Luật sư, cụ thể họ không thừa nhận việc Nguyễn Đình T là người hướng dẫn họ cách làm thủ tục, hướng dẫn cách qua cửa sân bay, cách đón họ ở Nhật Bản. Chỉ duy nhất Lê Văn L3 mặc dù khai với Luật sư khác nhưng tại phiên tòa L khai đúng như khai với cơ quan điều tra. Tuy nhiên các lời khai của những người này trước đó có nhiều lời khai được các cơ quan có thẩm quyền như Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, Công an tỉnh Nghệ an, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiến hành lấy lời khai, ngoài ra còn có những lời khai của nhiều người khác cũng xác định đúng như những gì mà những người này đã khai trước đây.

Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9 năm 2016, vì có nhu cầu sang nước ngoài lao động nên 09 đối tượng ở tỉnh Quảng Bình, gồm: Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1989; Nguyễn Hồng T5, sinh năm 1994 - Cùng trú tại: MH, Q, tx B; Phan Thị D1, sinh năm 1996 – trú tại: Thôn 5Đ, B1; Nguyễn Văn H4, sinh năm 1996 – Trú tại: Đ, B1; Lê Xuân H6, sinh năm 1974 Trú tại: QP, H1; Lê Văn L3, sinh năm 1994 Trú tại: NT, B1; Ngô Xuân L2, sinh năm 1974 – Trú tại: NT, B1; Ngô Bình A, sinh năm 1978 - Trú tại: B, H1; Hoàng Thanh Hùng, sinh năm 1988 – Trú tại: ĐN, tp H1 đã tìm đến Nguyễn Văn M2, sinh năm 1966 – Trú tại: MH, Q, tx B; Lê Thanh Đ1, sinh năm 1984 – Trú tại: NH, H2, B1 và Lê Văn H, sinh năm 1953 – Trú tại: HD, B2, tp H để nhờ giới thiệu, giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục đi nước ngoài. Qua bàn bạc, trao đổi 09 người trên đã đồng ý làm thủ tục để được đi Nhật Bản với giá từ 9.000 – 14.000 USD/ 01 người để được bố trí nơi ăn, nghỉ và làm việc ở Công ty tại Nhật Bản với mức lương là 2.000 USD/tháng.

Sau khi thống nhất Nguyễn Văn M2 đã đưa Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Hồng T5 đến gặp Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1961 ở NT, C, Nghệ An, qua trao đổi L1 đồng ý làm thủ tục đi Nhật Bản cho Nguyễn Thanh T4 và Nguyễn Hồng T5 với giá 200.000.000 đồng/người. Sau đó T4 và T5 đã đặt cọc mỗi người 10 triệu đồng cho L1 thông qua Nguyễn Văn M2. Sau đó L1 chuyển cho Nguyễn Đình T.

Lê Văn H đã thu tiền cọc mỗi người 1.000 USD cùng hồ sơ của 05 người gồm Lê Xuân H6, Lê Văn L3, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A, Hoàng Thanh H6 rồi chuyển cho Nguyễn Đình T để T làm thủ tục cho 05 người này đi Nhật Bản với chi phí 9.500 USD đến 10.000 USD mỗi người.

Lê Thanh Đ đã thống nhất với Phan Thị D1 và Nguyễn Văn H4 là sẽ giúp làm thủ tục cho D1 và H4 đi Nhật Bản với giá 14.000 USD. Sau đó Đạt đã chuyển hồ sơ của D1 và H4 cho Lăng Minh T10.

Ngoài 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình nêu trên, trong đoàn xuất cảnh qua Nhật Bản bằng hình thức du lịch vào ngày 14/11/2016 còn có thêm 11 người khác (trong đó, 08 người ở tỉnh Nghệ An, 02 người tỉnh Hà Tĩnh, 01 người thành phố Hồ Chí Minh). Trong đó Nguyễn Đình T đã trực tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 05 người, cụ thể gồm Cao Đình M, Nguyễn Thị T4, Trần Văn Đ2, Phan Văn D và Phan Hữu T7.

Nguyễn Đình T và Lăng Minh T10 sau khi nhận được tiền cọc và hồ sơ của những người trên do L1, Đạ1 và H chuyển đến, Nguyễn Đình T, Lăng Minh T10 và những đối tượng khác trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả hợp đồng lao động cho các công dân này thành nhân viên của một số công ty ở Sài Gòn, lập giấy xác nhận cho những người này được nghỉ phép để đi du lịch rồi Nguyễn Đình T đến công ty Công ty TNHH Thương mại du lịch kỳ nghỉ QT Holliday có trụ sở tại 624N T, P 8, Q, thành phố Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ, đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm xin visa cho những người này đi du lịch tại Nhật Bản trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 18/11/2016 với chi phí là 36.200.000 đồng/01 người.

Sau khi có được visa T và T10 đã thông báo cho L1, Đ1, H, M2 để những người này thông báo, dẫn 20 người trên vào thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xuất cảnh đi Nhật Bản. Đến ngày 14/11/2016 tại thành phố Hồ Chí Minh 20 người này đã được tập hợp tại Khách sạn Ed ở đường Phan Văn T9, P10, QG, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây 20 người này đã được Nguyễn Đình T dẫn dò, hướng dẫn cụ thể các thức đi Nhật Bản và cách thức đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi và đưa cho mỗi người 01 biên bản thỏa thuận được ký giữa công ty của T và những người này. Đến tối cùng ngày những người này được Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ QT làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản.

Sau khi đến Nhật Bản vì không có việc làm ổn định nên một số người đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt Nam.

Kết quả điều tra tại thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ QT (H Travel) xác nhận người đại diện ký hợp đồng với công ty là ông Trần Văn Đ2. Ông Nguyễn Đình T là người đã lên công ty đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm cho đoàn khởi hành đúng ngày.

- Công ty TNHH TM và Dịch vụ PG xác định Công ty không có nhân viên nào có tên Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H6, Phan Thị D1, Lê Văn L3. Năm 2016 công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH MTV hóa chất QH xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Nguyễn Thanh T4. Công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH TM S Food xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Hoàng Thanh H9, Ngô Bình An. Trong năm 2016 không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

Đã tiến hành thu thập mẫu dấu và chữ ký của những người làm giám đốc của các công ty trên và tiến hành trưng cầu giám định mẫu dấu và chữ ký của giám đốc tại các công ty này với mẫu dấu và chữ ký có trên các hợp đồng lao động (gồm có 07 hợp đồng), kết quả: Tại Kết luận giám định số 417 ngày 11/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu dấu và chữ ký của ông Trương Quốc H10 do Cơ quan ANĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh thu thập với mẫu dấu và chữ ký trên các Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM và Dịch vụ PG với Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H6, Phan Thị D1, Lê Văn L3 dấu không phải của Công ty PG và chữ ký không phải do Trương Quốc H10 ký; Mẫu dấu và chữ ký của bà Lê Thị Thanh L10 - Giám đốc Công ty TNHH TM S Food với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM S Food với Hoàng Thanh H6, Ngô Bình A, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do bà Lâm ký; Mẫu dấu và chữ ký của ông Phạm Văn K1 giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Q2 với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH MTV hóa chất Q2

với Nguyễn Thanh T4, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do ông K1 ký. (BL: 58-59)

Tại Bản kết luận giám định số 1056/KLGĐ ngày 17/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179P, phường TT, Tp V, Nghệ An và Bên B người đại diện Ngô Xuân L2, địa chỉ xã NT, B1, Quảng Bình kết luận: Hình dấu tròn trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu tròn của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. Các chữ số 21, 09, 2016 tại dòng ngày, tháng, năm của mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với chữ viết của Nguyễn Đình T là do cùng một người viết ra. (BL: 140-141).

Tại Bản kết luận giám định số 225 ngày 05/3/2019 và số 256 ngày 22/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179P, phường TT, V, Nghệ An và Bên B người đại diện Trần Văn Đ2, địa chỉ XT, N2, Hà Tĩnh và Biên bản thỏa thuận giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA, địa chỉ 179P, phường TT, V, Nghệ An và Bên B người đại diện Cao Đình M, địa chỉ HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An, kết luận: Hình dấu tròn trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. (BL: 1042-1043; 1047-1048).

Tại bản kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký đứng tên Trương Hoàng G dưới mục “Bên A” trên 02 tài liệu cần giám định do Nguyễn Đình T giao nộp không phải do Trương Hoàng G ký ra (02 tài liệu là giả).

Tuy chưa thể khẳng định được T là người chủ mưu nhưng hoàn toàn có đủ căn cứ xác định Nguyễn Đình T cùng một số đồng phạm như Trương Hoàng G, Lăng Minh T10 đã có hành vi tổ chức cho 20 người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Nguyễn Đình T là đồng phạm thực hiện các hành vi như: kêu gọi người làm hồ sơ đi ra nước ngoài, cung cấp các Biên bản thỏa thuận có chữ ký của T và con dấu của Công ty T trong đó có nội dung cam kết sẽ đảm bảo về công việc, về lương..., T còn là người trực tiếp nộp hồ sơ, đặt sổ tiết kiệm của T tại Công ty H để xin visa cho 20 người nói trên, nhiều lời khai của người đi du lịch khẳng định T là người hướng dẫn cách thức, thủ tục qua cửa sân bay. Hành vi của Nguyễn Đình T đã phạm vào tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” được quy định xử phạt tại khoản 1 Điều 275 BLHS năm 1999 như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T là nghiêm trọng, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ đối ngoại giữa hai quốc gia Việt Nam và Nhật Bản.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra Nguyễn Đình T có thái độ khai báo không thành khẩn, cung cấp tài liệu sai sự thật, thể hiện T không biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do vậy, cần xử phạt Nguyễn Đình T hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục răn đe bị cáo. Tuy nhiên, quá trình nhân thân bị cáo từ trước đến nay chưa có tiền án tiền sự, hậu quả không quá nghiêm trọng, có thể xử phạt bị cáo mức án tù vừa phải, tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

[4]. Đối với trách nhiệm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đối với đối tượng có tên là Lăng Minh T10 theo tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án là đã nhận làm thủ tục cho Phan Thị D1 và Nguyễn Văn H4 trốn đi Nhật Bản, tuy nhiên hiện tại T10 không có mặt tại địa phương. Yêu cầu Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục phối hợp, điều tra, xác minh xử lý khi Thụy có mặt tại địa phương.

- Đối tượng có tên Trương Hoàng G, theo hồ sơ vụ án cũng như lời khai của Nguyễn Đình T thì là G đã mượn trụ sở của T để tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 20 người trên đi nước Nhật Bản. Qua điều tra xác định hiện tại Trương Hoàng G đã chết nên không có căn cứ để điều tra đối với G.

- Các đối tượng Lê Văn H, Lê Thành Đ1 Nguyễn Văn M2 và Nguyễn Ngọc L1, kết quả điều tra xác định: Thông qua sự giới thiệu của Nguyễn Đình T và Lăng Minh T10 nên những người này đã đứng ra nhận giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản cho các lao động để kiếm tiền. Các đối tượng này không biết việc các lao động được hợp thức hóa hồ sơ để xin visa và không trực tiếp tổ chức cho các lao động khác trốn đi nước ngoài. Mặt khác Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định hành vi Môi giới người khác trốn đi nước ngoài là tội phạm. Vì vậy quá trình điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này. Tuy nhiên, khi tại phiên tòa cần nghiêm khắc nhắc nhở để sự việc không tái phạm.

- Đối với hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức: Kết quả điều tra chưa xác định được ai là người đã trực tiếp làm các con dấu, tài liệu giả này. Mặt khác bị hại bị làm giả con dấu, tài liệu giả này được đứng tên một số công ty có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Cơ quan điều tra tỉnh Quảng Bình đã tách và chuyển các tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Đình T đã thu tiền của 20 người đi Nhật Bản, tuy nhiên trong quá trình điều tra những người này chưa có yêu cầu buộc T phải bồi hoàn cho họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chưa xem xét trách nhiệm bồi hoàn của Nguyễn Đình T, nếu sau này những người này có yêu cầu Nguyễn Đình T phải bồi hoàn lại số tiền mà T đã nhận của họ thì họ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1. 09 cuốn hộ chiếu mang tên Nguyễn Hồng T5, Nguyễn Văn H4, Phan Thị D1, Ngô Xuân L2, Lê Xuân H6, Nguyễn Thanh T4, Hoàng Thanh H9, Ngô Bình A và Lê Văn L3;

2. 09 bộ bản chính hồ sơ xin thị thực của Nguyễn Hồng T5, Nguyễn Văn H4, Lê Xuân H6, Phan Thị D1, Lê Văn L3, Ngô Bình A, Ngô Xuân L2, Hoàng Thanh H9 và Nguyễn Thanh T4 (BL: 64-138, 498-512, 517-530).

3. 03 bản chính Biên bản thỏa thuận giữa Nguyễn Đình T và Ngô Xuân L2, giữa Nguyễn Đình T và Cao Đình M, giữa Nguyễn Đình T và Trần Văn Đ2; (BL: 144, 178, 187, 189, 194, 197).

4. 01 bản sao Biên bản thỏa thuận giữa Nguyễn Đình T và Ngô Xuân L2 (BL: 177, 180);

5. 01 bản sao Giấy biên nhận tiền đặt cọc lập ngày 14/9/2016 giữa bên nhận tiền là Lê Văn H và bên đưa tiền là Phạm Xuân Q1; (BL: 177, 179).

6. 01 bản gốc giấy nhận tiền giữa Lê Văn H và Nguyễn Thị Mỹ H7; (BL: 184-186)

7. 04 bản gốc Phiếu thu, trên góc trái có chữ Đơn vị Công ty TNHH HA - địa chỉ 179P, lập vào các ngày 14/11/2016, 15/9/2016, 02/6/2016, 14/11/2016 (BL: 187-188, 194-196, 198-199).

8. 02 bản sao Phiếu thu, trên góc trái có chữ Đơn vị Công ty TNHH HA, địa chỉ 179P, lập vào các ngày 02/6/2016, 15/9/2016 (BL: 190-192).

Hiện số vật chứng này được lưu giữ theo hồ sơ vụ án. Đây là các tài liệu chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm vì vậy cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

[2]. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 275 BLHS năm 1999 xử phạt: **Nguyễn Đình T 3 năm 6 tháng (ba năm sáu tháng) tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Đình T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P3);
- CQCSĐT CAQB;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo Nguyễn Đình T;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyền